

HAI LOÀI CUA MỐI THUỘC HỌ POTAMIDAE Ở MIỀN NAM VIỆT NAM

ĐẶNG NGỌC THANH, HỒ THANH HẢI

Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật

Trong các mẫu vật của súi thuộc họ Potamidae mới thu được tại một số địa phương ở phía Nam: súi Cát - Bà Nà (Quảng Nam) và Ninh Hải (Ninh Thuận), đã xác định được hai loài mới, trong đó có một giống mới cho khoa học. Sau đây là mô tả hai loài của mới này.

Villopotamon gen. nov.

Đặc điểm chẩn loại

Mai có dạng gần chữ nhật. Trán chia hai thùy. Mặt mai hơi phồng ở phía trước, phẳng ở phía sau. Gờ sau ở mắt, thùy sau trán nổi rõ. Vùng trước - giữa mai (vùng vị - đầu) nhẵn. Vùng bên - sau mai (vùng mang - tim) có phủ lớp tơ mượt. Telson (đốt bụng VII) có hình tam giác đều tròn đầu, cạnh bên hơi lõm ở phía gốc. Đốt trước cuối của GO1 con đực có phần ngọn hẹp, phần gốc rộng bản tạo dáng lõm ở cạnh ngoài. Đốt cuối dài bằng 2/5 đốt trước cuối với phần gốc hơi phình to, phần ngọn vuốt nhỏ, hình sợi dài.

Nhận xét

Villopotamon gen. nov. có đặc điểm khác hẳn các giống thuộc nhóm *Potamon* đã biết ở lớp tơ mượt phủ kín vùng bên - sau (vùng mang - tim) của mai và đốt cuối GO1 con đực dạng sợi dài.

Cùng với giống *Vietopotamon* Dang et Ho mới được công bố gần đây [2], giống mới *Villopotamon* làm tăng thêm tính đa dạng của khu hệ của nước ngọt thuộc họ Potamidae ở Việt Nam, đồng thời làm rõ thêm sự sai khác phân loại học về thành phần loài giữa vùng phía Bắc và vùng phía Nam Việt Nam.

Loài chuẩn: *Villopotamon thaili* sp. nov.

1. *Villopotamon thaili* sp. nov. (hình 1, 2)

Holotyp: 1 con đực. Allotyp: 1 con cái. Súi Cát - Bà Nà (Quảng Nam), tháng 4/2002. Lưu giữ tại Bảo tàng động vật, Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, Hà Nội.

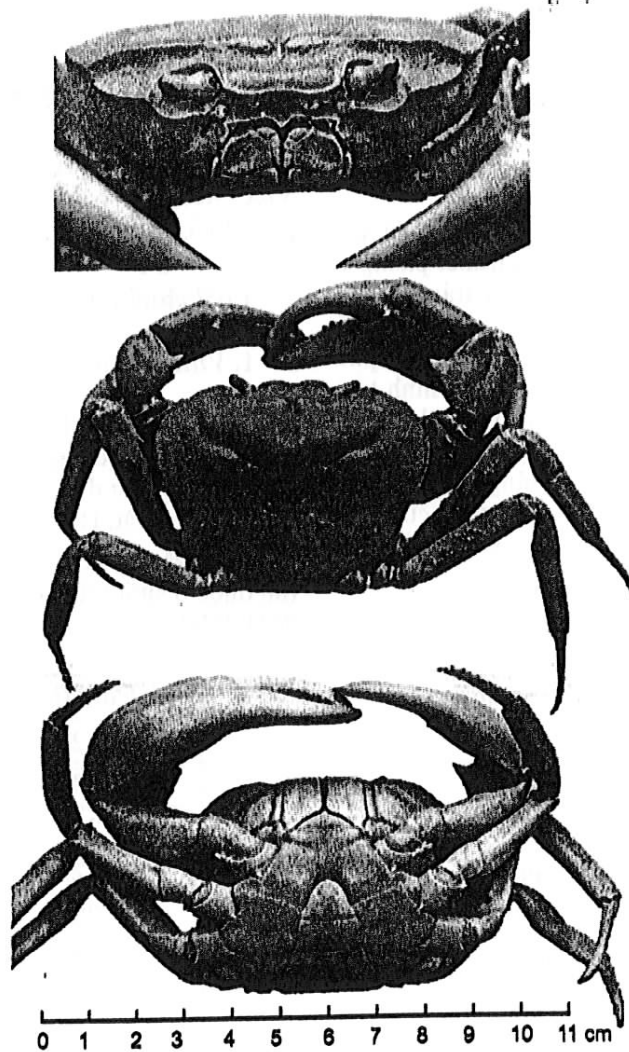
Mẫu vật nghiên cứu: 2 con đực, 2 con cái; thu được ở súi Cát - Bà Nà (Quảng Nam), ngày 20/4/2002.

Thông số đo	Con đực	Con cái
Chiều rộng mai (L) (mm)	52	50,5
Chiều dài mai (l) (mm)	43	39
Chiều dày mai (e) (mm)	24	24
Chiều rộng trán (F) (mm)	12	12
Chiều rộng giữa hai ổ mắt (mm)	28	27
Chiều dài Carpus (mm)	19	15,5
Chiều dài bàn (mm)	26	17
Chiều dài ngón (mm)	31	23
Chiều cao đốt bụng VII (mm)	7	10
Chiều cao đốt bụng VI (mm)	5,5	8
GO1 con đực: đốt cuối/ đốt trước cuối	04/10	

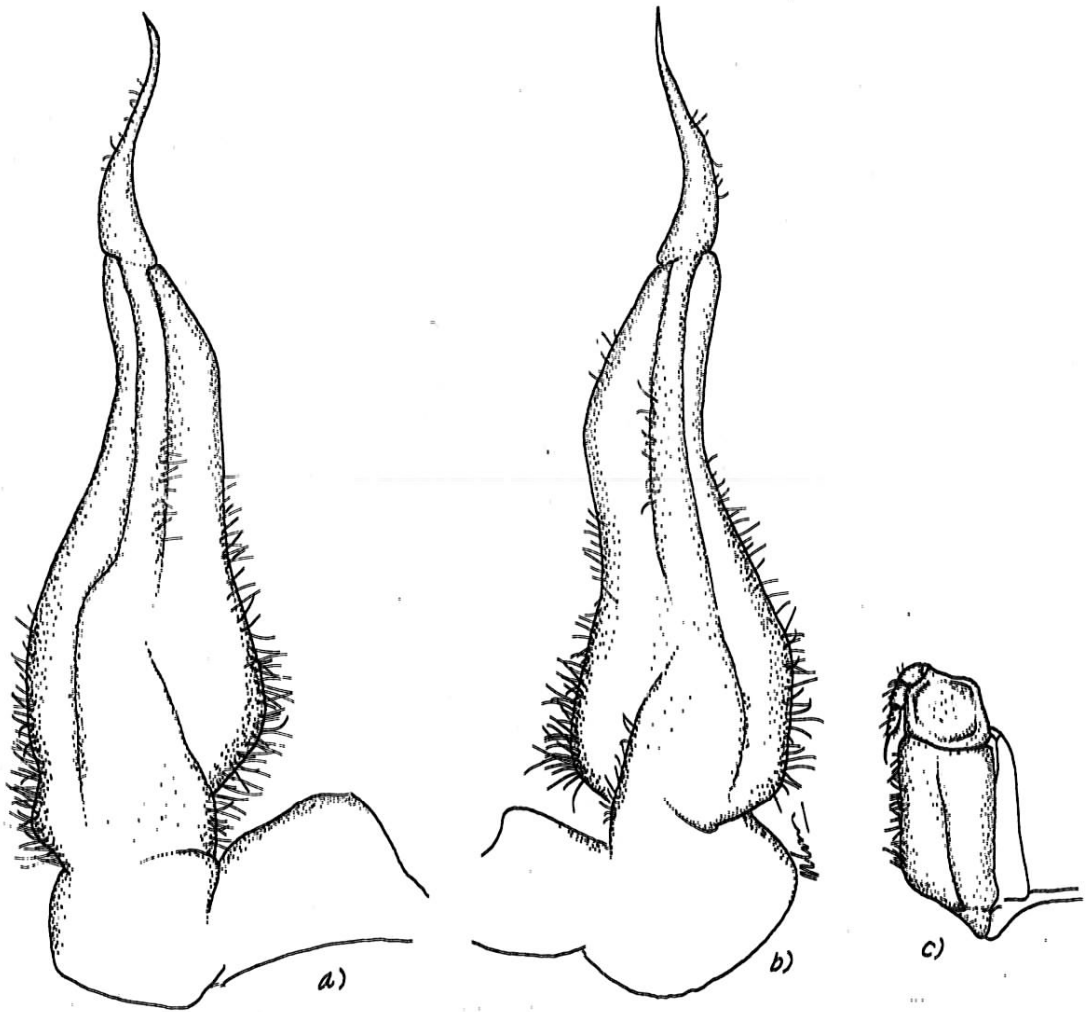
Mô tả

Mai rộng ngang, hình gần chữ nhật. Trán hai thùy, cạnh trước trán lõm giữa, mặt sù sì. Cạnh bên - trước mai có răng trên mang không phát triển. Hàng răng cạnh bên - trước dạng nốt nhỏ. Gờ sau ổ mắt nom rõ, uốn nhẹ, thùy sau trán nổi rõ, sù sì. Vùng trước - giữa (vùng vị, vùng gan) nhẵn. Các rãnh đầu, rãnh bán nguyệt, rãnh chữ H trên mặt mai nom rõ. Vùng bên - sau (vùng mang - tim) có phủ lớp tơ mượt rất đặc trưng. Đốt bụng VII hình tam giác đều, tròn đầu, cạnh

bên hơi lõm ở phần gốc, dài hơn đốt bụng VI. GO1 con đực có phần gốc rộng bản, phần ngọn hẹp lại tạo dáng lõm ở cạnh ngoài. Đốt cuối dài bằng 2/5 đốt trước cuối, phần gốc hơi phình to, phần ngọn vượt nhỏ hình sợi dài. GO2 có sợi ngọn dài. Chân hàm III có đốt merus hình gần vuông. Nhánh ngoài phần gốc kéo dài tới 1/3 đốt merus, tơ ngọn vượt quá merus. Chân bò tương đối mảnh. Trên các chân bò ở các mẫu vật nghiên cứu đều có các cá thể *Temnocephala* (lân đầu phát hiện thấy ở Việt Nam) bám đầy.



Hình 1. *Villopotamon thaili* sp. nov.



Hình 2. GO1 con đực của *Villopotamon thaili* sp. nov.
a: phải; b: trái; c: Max.III

2. *Potamon ungulatum* sp. nov. (hình 3, 4)

Holotyp: 1 con đực. Allotyp: 1 con cái. Suối Vĩnh Hy - Ninh Hải (Ninh Thuận), 29/9/2002. Lưu giữ tại Bảo tàng động vật, Viện Sinh thái & Tài nguyên sinh vật.

Mẫu vật nghiên cứu: 7 con đực, 2 con cái; thu được ở suối Vĩnh Hy-Ninh Hải (Ninh Thuận), ngày 29/9/2002.

Đặc điểm chẩn loại

Mai hình thang, gó cao, mặt nhẵn. Gờ sau

trán thẳng ngang. Đốt bụng VII hình tam giác đều, cạnh bên thẳng. GO1 con đực có đốt cuối ngắn dạng vuốt, chia thẳng.

Mô tả

Cua lớn, mai gó cao, hình thang. Mặt mai nhẵn, màu xanh tím. Rãnh đầu nông, rãnh bán nguyệt và rãnh chữ H nom rõ. Trán chia hai thùy nhưng bờ trước lượn sóng, không chia hai. Gờ sau ở mắt sắc, thẳng ngang, gần như nối liền với gờ sau trán. Thùy sau trán thấp, nom rõ. Răng trên mang không nom rõ, hàng răng bên -

trước dạng nốt nhỏ. Đốt bụng VII hình tam giác đều, cạnh bên thẳng, đầu tròn. Chân hàm III có đốt merus hình chữ nhật, nhánh ngoài dài tới 1/3 merus. Chân bò ngắn, mập. GO1 con đực có đốt trước cuối hẹp, phần ngọn thon nhỏ. Đốt cuối ngắn, dạng vuốt ngắn, chia thẳng, chỉ dài bằng 1/6 đốt trước cuối.

Nhận xét

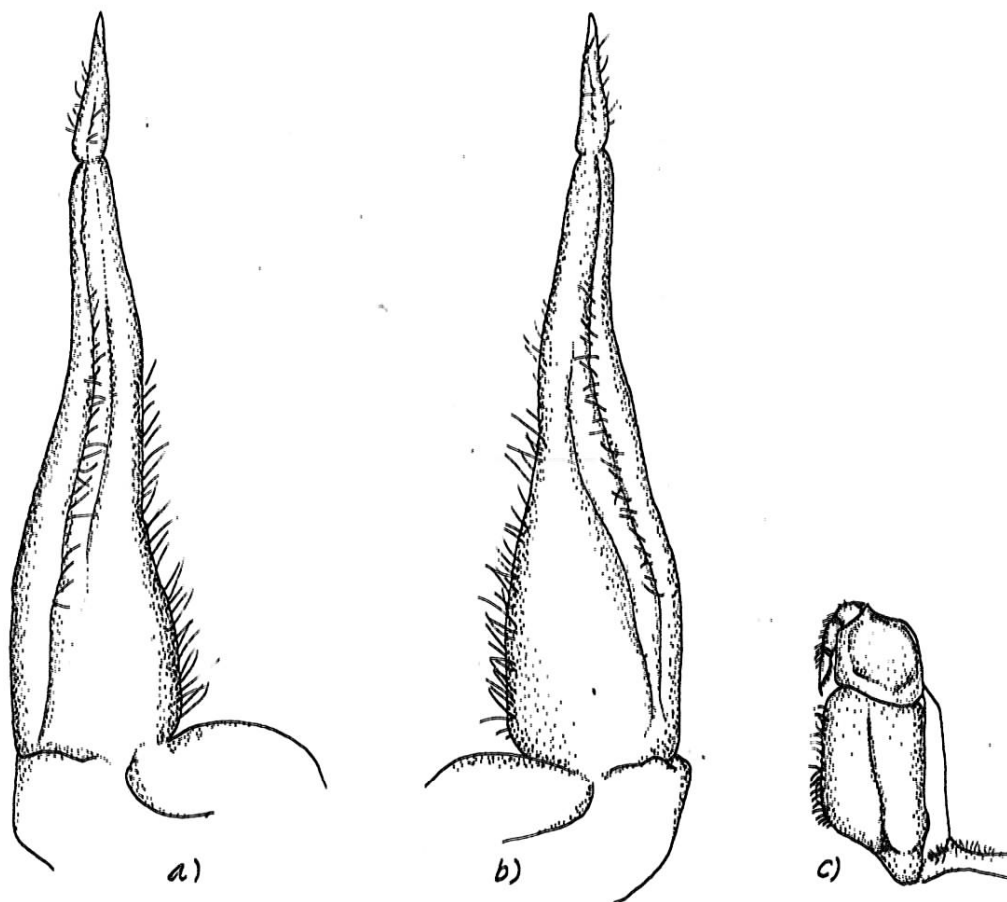
Loài mới *Potamon ungulatum* sp. nov. đặc trưng bởi gờ sau ổ mắt thẳng ngang tiếp liền với

gờ sau trán, mặt mai nhẵn hoàn toàn. Đốt cuối GO1 có dạng vuốt ngắn chia thẳng.

P. ungulatum sp. nov. gần với *P. andersonianum* Wood-Mason, 1871, loài phân bố từ Mianma tới vùng Đông Dương (Rathbum, 1904; Bott, 1970). Sai khác chủ yếu là ở hình dạng mặt mai nhẵn, gờ sau ổ mắt thẳng ngang, đốt cuối GO1 con đực có dạng vuốt nhọn ngắn trong khi *P. andersonianum* có mặt mai sù sì, gờ sau ổ mắt không thẳng ngang với thùy sau trán, đốt cuối GO1 con đực dài hình que.



Hình 3. *Potamon ungulatum* sp. nov.



Hình 4. GO1 con đực của *Potamon ungulatum* sp. nov.
a: phải; b: trái; c: Max.III

Thông số đo	Con đực	Con cái
Chiều rộng mai (L) (mm)	60	58
Chiều dài mai (l) (mm)	48	45
Chiều dày mai (e) (mm)	28	26
Chiều rộng trán (F) (mm)	15	15
Chiều rộng giữa hai ổ mắt (mm)	32	32
Chiều dài Carpus (mm)	20	18
Chiều dài bàn (mm)	26	20
Chiều dài ngón (mm)	33	27
Chiều cao đốt bụng VII (mm)	8	10
Chiều cao đốt bụng VI (mm)	6,5	10
GO1 con đực: đốt cuối/ đốt trước cuối	03/12	

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, 2001: Động vật chí Việt Nam, tập 5. *Giáp xác nước ngọt*. NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
2. Đặng Ngọc Thanh, Hồ Thanh Hải, 2002: Tạp chí Sinh học, 24(2): 1-8.
3. Bott R., 1970: *Die Süsswaerkrabben von Europa Asien, Australien und ihre Stammesgeschichte*. Abh. Senckenbergischen Nat. Ges., Frankfurt, 526: 1-338.
4. P. K. L. Ng and P. Naiyanets, 1993: New and recently described fresh water crabs (Crust. Decapoda: Brachyura) from Thailand. Zool. Verhandelingen: 1-117.

TWO NEW POTAMID CRAB SPECIES OF POTAMIDAE FROM SOUTHERN PART OF VIETNAM

DANG NGOC THANH, HO THANH HAI

SUMMARY

Villopotamon gen. nov.

Diagnosis

Carapace transverse, nearly rectangular. Anterior region lightly swollen, smooth. Latero-posterior region (branchial-cardiac region) densely pubescent. Frontal margin bilobed. Post orbital margin with distinct cristae, post frontal lobes distinctly separated from post orbital margin. Male terminal segment of abdomen triangular, lateral margin straight, slightly longer than VI segment. GO1 terminal segment long 0.4 time length of subterminal segment, distal part filiform.

Remarks

Villopotamon gen. nov. differs from other known potamid genera of Vietnam and the region by 2 generic aspects: the pubescent latero-posterior region of the carapace surface and the long distal filiform part of the GO1 terminal segment in male.

Type species: *Villopotamon thaili* sp. nov.

1. *Villopotamon thaili* sp. nov. (Fig. 1, 2)

Holotype, 1 male; Allotype, 1 female, collected from the stream at Bana (Quangnam province), Vietnam. Coll. 20 April 2002, deposited in the Zoological Museum, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi-Vietnam.

Diagnosis

Carapace transverse, nearly rectangular. Frontal part bilobed, anterio-frontal margin concave, rugose. Latero-anterior margin with lateral tooth not developed. Latero-anterior cristae small papulaform. Postorbital margin distinct, slightly curved, postfrontal lobes lightly swollen, rugose. Anterior region (epigastric-hepatic region) smooth. Cervical, semilunar, H-shaped grooves distinct. Latero-posterior region (branchial-cardiac region) densely pubescent.

Male terminal segment of abdomen equilateral-triangular with top round, lateral border concave at middle, slightly longer than VI segment. GO1 in male with basal large, distal part tapering, outer border concave. Terminal segment long 0.4 time length of subterminal segment, basal part slightly stout, distal part filiform. Maxilliped III with squarish merus. Ambulatory legs slightly slender with many specimens of *Temnocephala* stucked fast to.

2. *Potamon ungulatum* sp. nov. (Fig. 3, 4)

Holotype, 1 male; Allotype, 1 female, collected from the stream at Ninhhai, (Ninhphuoc district Ninhthuan province), Vietnam. Coll. on 29 September 2002, deposited in the Zoological Museum, Institute of Ecology and Biological resources, Hanoi-Vietnam.

Diagnosis

Carapace largely transverse, trapejoid strongly swollen, surface smooth with violet-greenish colour. Frontal part bilobed but anterior margin slightly sinuous, not bilobed. Cervical grooves shallow, semilunar and H-shaped grooves distinct. Postorbital margin sharp, horizontally straight, continuously connected with postfrontal margin. Epibranchial tooth indistinct, anterolateral cristae small papulaform. Male terminal segment of abdomen equilateral-triangular, lateral margin straight, top round. Maxiliped III with rectangular merus, exopod long 1/3 merus. Ambulatory legs short and stout. GO1 in male with subterminal segment strait, distal part gradually tapering. Terminal segment short, unguiform, straight, long 1/4 time length of subterminal segment.

Remark

Potamon ungulatum sp. nov. is characterized by postorbital margin horizontally straight, continuously connected with postfrontal margin. Dorsal surface quite smooth. Terminal segment short, unguiform, straight.

P. ungulatum sp. nov. is closely related to *Potamon andersonianum* Wood-Mason, 1871, distributed from Burma to Indochina (Rathbun, 1904; Bott, 1970). This new species differs from *P. andersonianum* in several significant aspects:

Dorsal surface quite smooth, postorbital margin horizontally straight. Terminal segment short, unguiform, straight. While others: dorsal surface rugose, postorbital margin no horizontally straight and not connected with postfrontal margin, terminal segment stick-shaped.

Ngày nhận bài: 20-12-2002